

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:132/2018/HSST
Ngày: 26/7/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG – TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần những người tiến hành tố tụng gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số 112/2018/HSST ngày 19 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2018/HSST-QĐ ngày 28/6/2018, đối với các bị cáo:

1. Tống Văn T, sinh năm 1991 tại huyện GL, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn TX, xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Tống Văn C và bà Nguyễn Thị N. Có vợ là Phạm Thị D và 01 con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/4/2018 đến ngày 17/4/2018. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến ngày 26/7/2018 (có mặt tại phiên tòa).

2. Tăng Văn L, sinh năm 1995 tại huyện GL, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn TX, xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Tăng Văn H và bà Đồng Thị N.

Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/4/2018 đến ngày 17/4/2018. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến ngày 26/7/2018 (có mặt tại phiên tòa).

3. Đào Duy D, sinh năm 1994 tại huyện GL, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn TX, xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đào Văn L và bà Nguyễn Thị P. Có vợ là Vương Thị H và 01 con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/4/2018 đến ngày 17/4/2018. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến ngày 26/7/2018 (có mặt tại phiên tòa).

4. Tăng Văn K, sinh năm 1985 tại huyện GL, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn TX, xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Tăng Văn C và bà Phạm Thị H.

Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/4/2018 đến ngày 17/4/2018. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến ngày 26/7/2018 (có mặt tại phiên tòa).

5. Phạm Văn P, sinh ngày 22/01/1999 tại huyện GL, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn Phú Triều, xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phạm Văn C và bà Lê Thị L.

Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/4/2018 đến ngày 17/4/2018. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến ngày 26/7/2018 (có mặt tại phiên tòa).

6. Tăng Văn C - sinh năm 1997 tại huyện GL, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn TX, xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Tăng Văn Mạnh và bà Nguyễn Thị Nhất.

Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/4/2018 đến ngày 17/4/2018. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến ngày 26/7/2018 (có mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng: Anh Hoàng Minh S, sinh năm 1981 và chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Khu ĐX, phường TM, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau : Khoảng 14h30 phút, ngày 11/4/2018 Tống Văn T, sinh năm 1991 ; Đào Duy D, sinh năm 1994 và Tăng Văn L, sinh năm 1995 cùng trú tại xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương đi chơi cùng nhau ở khu vực thành phố Hải Dương. Sau đó cả nhóm thống nhất vào nhà nghỉ TA ở khu ĐX, phường TM thuê phòng để đánh bạc. D đi cùng T vào gặp người quản lý nhà nghỉ là anh Hoàng Minh S thuê phòng 404 trước còn L đi mua bài để làm dụng cụ đánh bạc. Sau khi mua được bộ bài tứ lơ khơ, L quay lại nhà nghỉ TA rồi cùng D, T sử dụng bộ bài này đánh bạc dưới hình thức ba cây, được thua bằng tiền. Quá trình D, T, L đánh bạc thì Tăng Văn K, sinh năm 1985 ; Tăng Văn C, sinh năm 1997 ; Phạm Văn P, sinh năm 1999 ở LH, GL đang đi chơi cùng nhau. C gọi điện thoại hỏi T đang ở đâu thì T nói đang ở nhà nghỉ TA. K nghe vậy nên tự đến nhà nghỉ rồi tham gia đánh bạc với D, T, L. Một lát sau, C, P đến cùng tham gia đánh bạc. P đánh được một lúc rồi nằm nghỉ tại vị trí đánh bạc. Đến khoảng 16h30' ngày 11/4/2018, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 01 bộ bài tứ lơ khơ 36 quân bài lá và số tiền 18.950.000 đồng (trong đó thu giữ tại chiếu bạc 8.100.000đồng tại vị trí đánh bạc; thu giữ trên người T 9.850.000đồng; thu giữ trên người P 1.000.000đồng).

Hình thức đánh ba cây như sau: Dụng cụ đánh bạc là bộ bài tứ lơ khơ 52 lá, khi chơi ba cây, chỉ sử dụng 36 lá bài từ Át đến 9, những người chơi sẽ chụm lại với nhau, một người đứng ra làm chương cầm bài chia cho mỗi người ba lá bài. Những người còn lại đặt tiền với người cầm chương hoặc có thể đặt với người chơi khác. Sau khi cộng điểm 03 lá bài người nào điểm thấp hơn điểm của người cầm chương thì sẽ thua mất tiền điểm của người chơi thì cầm chương phải trả tiền cho người chơi bằng số tiền người chơi đặt cược. Người nào được 10 điểm sẽ thắng gấp đôi số tiền đặt cược. Ngoài ra mỗi người chơi cũng có thể đặt cược riêng với nhau, thắng thua tương tự như trên. Trường hợp bằng điểm nhau thì việc thắng, thua xác định bằng chất bài, lần lượt từ to đến nhỏ là rô, cơ, tép, bích.

Quá trình điều tra xác định số tiền các bị can sử dụng đánh bạc như sau: L có khoảng 3.900.000 đồng, khi bị bắt còn khoảng 3.200.000 đồng; K có khoảng 2.600.000 đồng, khi bị bắt còn khoảng 1.400.000 đồng; T có khoảng 2.500.000 đồng, khi bị bắt có khoảng 9.850.000 đồng; D có khoảng 2.000.000 đồng, khi bị bắt có khoảng 3.500.000 đồng; P có khoảng 2.000.000 đồng, khi bị bắt còn trên người khoảng 1.000.000 đồng; C có khoảng 200.000 đồng, quá trình đánh bạc bị thua hết nên vay thêm của K 400.000 đồng để đánh tiếp, khi bị bắt đã bị thua hết.

Về vật chứng: 01 bộ bài tứ lơ khơ 36 quân bài hiện đang được quản lý tại kho vật chứng của Công an TP. Hải Dương; số tiền 18.950.000 đồng hiện đang

được gửi vào tài khoản của Công an TP. Hải Dương tại Kho bạc nhà nước tỉnh Hải Dương chờ xử lý theo quy định.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 124/VKS-HS ngày 18/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố các bị cáo Tống Văn T, Tăng Văn L, Đào Duy D, Tăng Văn K, Phạm Văn P và Tăng Văn C về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình: Bị cáo T xác định khi bị công an bắt quả tang thu giữ của bị cáo số tiền 9.850.000đồng số tiền này bị cáo đã, đang và sẽ sử dụng vào việc đánh bạc; Bị cáo L sử dụng số tiền để đánh bạc khoảng 3.900.000 đồng; D sử dụng số tiền để đánh bạc khoảng 3.500.000 đồng; K sử dụng số tiền để đánh bạc khoảng 2.600.000 đồng, P sử dụng số tiền để đánh bạc khoảng 2.000.000 đồng, C sử dụng số tiền để đánh bạc khoảng 600.000 đồng. Các bị cáo đều thừa nhận tổng số tiền tất cả các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 18.950.000đồng bị thu giữ là đúng. Các bị cáo công nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương là đúng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo cải tạo tại địa phương.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cho xã hội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã kết luận về vụ án, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Tống Văn T, Tăng Văn L, Đào Duy D, Tăng Văn K, Phạm Văn P và Tăng Văn C phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt chính:

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; khoản 2 Điều 35; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 3, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tống Văn T, Tăng Văn L.

Xử phạt bị cáo Tống Văn T từ **12** tháng đến **15** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ **24** tháng đến **30** tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T cho UBND xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Tống Văn T.

Trong trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Tăng Văn L từ **10** tháng đến **12** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ **20** tháng đến **24** tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị

cáo L cho UBND xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Tăng Văn L.

Trong trường hợp bị cáo L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Khoản 2 Điều 35; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đào Duy D, Tăng Văn K, Phạm Văn P.

Xử phạt bị cáo Đào Duy D từ **18** tháng đến **21** tháng cải tạo không giam giữ, (được trừ đi 06 ngày tạm giữ (từ ngày 11/4/2018-17/4/2018) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành từ **17** tháng **12** ngày đến **20** tháng **12** ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 05% -10% thu nhập hàng tháng của bị cáo D để sung quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo D cho UBND xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo D.

Xử phạt bị cáo Tăng Văn K từ **15** tháng đến **18** tháng cải tạo không giam giữ, (được trừ đi 06 ngày tạm giữ (từ ngày 11/4/2018-17/4/2018) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành từ **14** tháng **12** ngày đến **17** tháng **12** ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 05% -10% thu nhập hàng tháng của bị cáo K để sung quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo K cho UBND xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo K.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn P từ **15** tháng đến **18** tháng cải tạo không giam giữ, (được trừ đi 06 ngày tạm giữ (từ ngày 11/4/2018-17/4/2018) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành từ **14** tháng **12** ngày đến **17** tháng **12** ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 05% -10% thu nhập hàng tháng của bị cáo P để sung quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo P

cho UBND xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo P.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tăng Văn C.

- Xử phạt bị cáo Tăng Văn C từ 22 triệu đến 25 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

3. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt tiền đối với bị cáo Tống Văn T, Tăng Văn L, Đào Duy D, Tăng Văn K, Phạm Văn P mỗi bị cáo từ 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 18.950.000đồng do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01bộ bài tú lơ khơ 36 quân các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến gì với phần kết luận và không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo T: Do bị cáo phạm tội lần đầu nên mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Bị cáo L: Bị cáo rất ăn năn đối với hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Bị cáo D: Bị cáo ăn năn về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu chỉ mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức án thấp nhất.

Bị cáo K: Bị cáo phạm tội lần đầu và nhận thấy được hành vi của mình là trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Bị cáo P: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là sai trái, bị cáo lần đầu phạm tội nên mong Hội đồng xét xử khoan hồng cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

Bị cáo C: Do bị cáo phạm tội lần đầu nên mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa có sự phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16h30' ngày 11/4/2018, tại phòng 404 nhà nghỉ TA ở khu ĐX, P. TM, TP. Hải Dương, Tống Văn T, Tăng Văn L, Đào Duy D, Tăng Văn K, Phạm Văn P, Tăng Văn C đang có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh ba cây được thua bằng tiền với tổng số tiền đánh bạc là 18.950.000 đồng thì bị tổ công tác Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 01 bộ bài tứ lơ khơ 36 quân bài lá và số tiền 18.950.000 đồng. Hành vi đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội. Từ việc chơi bạc nhằm mục đích tư lợi, được thua sát phạt nhau bằng tiền là nguyên nhân của một số vi phạm pháp luật khác. Đặc biệt là trong tình hình hiện nay tệ nạn cờ bạc đang có chiều hướng phát triển mạnh, gây nhức nhối trong dư luận quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi sát phạt nhau trái phép bằng tiền dưới bất kỳ hình thức nào là trái pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi, ham chơi nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc bị thu giữ là 18.950.000 đồng đúng như biên bản phạm tội quả tang mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã lập. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã thỏa mãn và đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự nên Viện kiểm sát

nhân dân thành phố Hải Dương truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật tại Quyết định truy tố nêu trên là hoàn toàn có cơ sở, chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị bắt quả tang, sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng, tội phạm ít nghiêm T, các bị cáo đều có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng nên Tòa án áp dụng thủ tục rút gọn để xét xử đối với các bị cáo theo quy định tại các Điều 456, 457, 462, 463 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về vị trí, vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm có đông người tham gia nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều bột phát thống nhất việc đánh bạc, chứ không có sự phân công vị trí, vai trò cụ thể cho từng người, giữa các bị cáo không có sự câu kết, tổ chức chặt chẽ nên là đồng phạm giản đơn. Quá trình các bị cáo tham gia đánh bạc cũng như trong quá trình điều tra và tại phiên tòa không có căn cứ chứng minh được ai là người đề xuất, rủ rê, lôi kéo. Trong vụ án này các bị cáo tham gia đánh bạc thời gian ngắn, số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc không lớn. Xét bị cáo T là người trực tiếp thuê phòng để đánh bạc, thời gian tham gia đánh bạc từ đầu và có số tiền sử dụng để đánh bạc nhiều nhất khi bị bắt quả tang thu giữ của bị cáo (9.850.000đồng) bị cáo xác định đây là số tiền bị cáo thắng bạc đã đang và sẽ sử dụng vào việc đánh bạc nên giữ vai trò cao nhất trong vụ án. Bị cáo L là người trực tiếp mua bài và đánh bạc từ đầu và có số tiền để đánh bạc khoảng (3.900.000đồng) nhiều thứ hai nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Bị cáo D tham gia đánh bạc từ đầu và có số tiền để đánh bạc khoảng (3.500.000đồng) nên giữ vai trò thứ ba. Bị cáo K tham gia đánh bạc sau có số tiền đánh bạc khoảng (2.600.000đồng), bị cáo P tham gia đánh bạc sau có số tiền đánh bạc khoảng (2.000.000đồng) nên giữ vai trò thứ tư. Bị cáo C tham gia đánh bạc sau và có số tiền đánh bạc ít nhất khoảng (600.000đồng) nên giữ vai trò thấp nhất trong vụ án.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo đều có nhân thân tốt:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, tất cả các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm T. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy

định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng cho tất cả các bị cáo.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vị trí vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Xét thấy các bị cáo phạm tội do nhất thời bột phát chứ không có người chủ mưu, cầm đầu, tổ chức, không có tính chất chuyên nghiệp. Mặt khác các bị cáo đều là người có nhân thân tốt ngoài lần phạm tội này, các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, nơi làm việc, có nơi cư trú rõ ràng không vi phạm các điều mà pháp luật cấm, chưa bao giờ bị kết án, bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự và không bị cáo nào phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo Tống Văn T, Tăng Văn L theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật về án treo. Áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Đào Duy D, Tăng Văn K, Phạm Văn P theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự, thời gian bị cáo D, K, P bị tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo D, K, P trong thời gian chấp hành hình phạt. Áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo Tăng Văn C theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Tống Văn T, Tăng Văn L, Đào Duy D, Tăng Văn K và Phạm Văn P. Phạt bổ sung mỗi bị cáo 10 triệu đồng sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 Bộ luật hình sự là phù hợp. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Tăng Văn C do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 18.950.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ là công cụ, phương tiện phạm tội, xét không còn giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về các vấn đề khác: Đối với anh Hoàng Minh S và chị Nguyễn Thị A là chủ nhà nghỉ TA cho các bị cáo thuê phòng nhưng không biết các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên không có căn cứ xử lý.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; khoản 2 Điều 35; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 456, 457, 462, 463 của Bộ luật tố tụng hình sự áp dụng đối với các bị cáo Tổng Văn T, Tăng Văn L.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 36; khoản 2 Điều 35 của Bộ luật hình sự; Điều 456, 457, 462, 463 của Bộ luật tố tụng hình sự áp dụng đối với các bị cáo Đào Duy D, Tăng Văn K và Phạm Văn P.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự; Điều 456, 457, 462, 463 của Bộ luật tố tụng hình sự áp dụng đối với bị cáo Tăng Văn C.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Tổng Văn T, Tăng Văn L, Đào Duy D, Tăng Văn K, Phạm Văn P và Tăng Văn C phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Về hình phạt chính:

- Xử phạt: Bị cáo **Tổng Văn T 12** (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **24** (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/7/2018. Giao bị cáo Tổng Văn T cho UBND xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Tổng Văn T.

Trong trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt: Bị cáo **Tăng Văn L 10** (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **20** (hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/7/2018. Giao bị cáo Tăng Văn L cho UBND xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Tăng Văn L.

Trong trường hợp bị cáo L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi

hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt: Bị cáo **Đào Duy D 18** (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, (được trừ đi 06 ngày tạm giữ từ ngày 11/4/2018-17/4/2018 quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành **17** (mười bảy) tháng **12** (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 05% thu nhập hàng tháng của bị cáo D để sung quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo D cho UBND xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Đào Duy D.

- Xử phạt: Bị cáo **Tăng Văn K 16** (mười sáu) tháng cải tạo không giam giữ, (được trừ đi 06 ngày tạm giữ từ ngày 11/4/2018-17/4/2018 quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành **15** (mười lăm) tháng **12** (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 05% thu nhập hàng tháng của bị cáo K để sung quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo K cho UBND xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Tăng Văn K.

- Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn P 15** (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, (được trừ đi 06 ngày tạm giữ từ ngày 11/4/2018-17/4/2018 quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành **14** (mười bốn) tháng **12** (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 05% thu nhập hàng tháng của bị cáo P để sung quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo P cho UBND xã LH, huyện GL, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Phạm Văn P.

- Xử phạt: Phạt tiền bị cáo **Tăng Văn C 25** (hai mươi lăm) triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

3. Về hình phạt bổ sung:

- Phạt tiền đối với các bị cáo Tống Văn T, Tăng Văn L, Đào Duy D, Tăng Văn K, Phạm Văn P phạt mỗi bị cáo 10.000.000đồng (mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 18.950.000đồng do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân do các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội.

(Tình trạng vật chứng, đặc điểm, số lượng, chủng loại theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương ngày 28/6/2018).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Tổng Văn T, Tăng Văn L, Đào Duy D, Tăng Văn K, Phạm Văn P và Tăng Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND TP. Hải Dương;
- Các bị cáo;
- CQCSĐT, CQTHAHS- Công an TP. Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát Công an tỉnh Hải Dương;
- UBND xã, phường nơi các bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ.- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Minh